

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 96/2026/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 4 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Lục Cẩm N**, sinh năm 2001; Căn cước công dân số: 096301000330.

Địa chỉ cư trú: **Ấp D, xã N, tỉnh Cà Mau.**

Bị đơn: Ông **Trình Tài L**, sinh năm 1996; Căn cước công dân số: 096096010237.

Địa chỉ cư trú: **Ấp E, xã Đ, tỉnh Cà Mau.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 59, 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà **Lục Cẩm N** và ông **Trình Tài L**.
- Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về hôn nhân: Bà **Lục Cẩm N** và ông **Trình Tài L** thuận tình ly hôn với nhau.

- Về việc nuôi con: Giao cháu **Trịnh Tường V**, sinh ngày 08/9/2024 (Nữ) cho bà **Lục Cẩm N** trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Các bên đương sự chịu 50% (bà **N** và ông **L** mỗi người chịu 75.000 đồng), bà **N** đồng ý chịu toàn bộ bằng 150.000 đồng. Ngày 15 tháng 4 năm 2026, bà **Lục Cẩm N** đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền 0004521 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau sau khi đối trừ, bà **N** được nhận lại 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.